



QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Người chủ trì	Trương Ngọc Quỳnh Tiên – Giám đốc Truyền thông
Ngày hiệu lực	Ngày 01 tháng 07 năm 2022
Mã tài liệu	CoM/QT/2022-07/01
Soạn thảo	Trương Ngọc Quỳnh Tiên – Giám đốc Truyền thông
Kiểm soát	Tổng Công Cường – Giám đốc Điều hành Khối Quản trị Rủi ro và Tuân thủ
Phê duyệt	Lê Anh Quân – Giám đốc Điều hành Khối Truyền thông

Lịch sử thay đổi văn bản

Lần ban hành	Ngày	Sửa đổi điều mục khoản	Nội dung (ghi tên đề mục)	Lý do thay đổi
1	10/09/2008			Ban hành lần đầu
2	01/06/2012	Toàn bộ quy trình		Cập nhật theo Thông tư 52/2012/TT-BTC
3	10/09/2020	Toàn bộ quy trình		Cập nhật theo Thông tư 155/2015/TT-BTC
4	01/07/2022	Toàn bộ quy trình		Cập nhật theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và Quy chế Công bố Thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

MỤC LỤC

1. Mục đích, phạm vi và đối tượng điều chỉnh	4
2. Giải thích từ ngữ	4
3. Nguyên tắc công bố thông tin	5
4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin	6
5. Tạm hoãn công bố thông tin	7
6. Bảo quản, lưu trữ thông tin	7
7. Trách nhiệm của các Bộ phận có liên quan & Quy trình công bố thông tin	7
7.1. Trách nhiệm của các Bộ phận có liên quan	7
7.2. Quy trình công bố thông tin	8
8. CBTT định kỳ	9
9. CBTT bất thường	10
10. CBTT theo yêu cầu	15
10.1. Công bố thông tin khi có các thay đổi/ sự kiện xảy ra	15
10.2. Công bố thông tin về của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết	16
10.3. Công bố thông tin về giao dịch của các cổ đông nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	16
10.4. Cổ phiếu của Công ty (mã HCM) là đối tượng chào mua công khai	18
10.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ	18
10.6. Phát hành thêm cổ phiếu	19
10.7. Phát hành trái phiếu riêng lẻ	21
10.8. Chào bán trái phiếu ra công chúng	23
11. CBTT đối với chứng quyền có bảo đảm	25
12. Mẫu biểu kèm theo	26
13. Điều khoản thực hiện	27
14. Căn cứ pháp lý	27

1. Mục đích, phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy trình công bố thông tin ("Quy trình") này quy định thống nhất việc công bố thông tin áp dụng cho toàn thể cán bộ nhân viên tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích:

- 1.1. Xác định trách nhiệm của từng Phòng / Ban chức năng trong việc cung cấp thông tin, tránh vi phạm quy định về công bố thông tin.
- 1.2. Đảm bảo nhất quán, chính xác các thông tin được công bố, phù hợp với yêu cầu của cơ quan quản lý, phù hợp với quy định của pháp luật.
- 1.3. Công khai, minh bạch các hoạt động kinh doanh đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, khách hàng.

2. Giải thích từ ngữ

Trong quy trình này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 2.1. Công ty (HSC): Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2.2. CBTT: Công bố thông tin.
- 2.3. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 2.4. SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 2.5. HOSE: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2.6. HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 2.7. TCTLKBTK: Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- 2.8. P. KSNB: Phòng Kiểm soát nội bộ.
- 2.9. P. KT: Phòng Kế toán.
- 2.10. P. TT: Phòng Truyền thông.
- 2.11. P. NS: Phòng Nhân sự.
- 2.12. P. GD: Phòng Giao dịch.
- 2.13. HĐQT: Hội đồng quản trị.
- 2.14. ĐHCĐ: Đại hội cổ đông.
- 2.15. BCTC: Báo cáo tài chính.
- 2.16. BC: Báo cáo.
- 2.17. BCB: Bản cáo bạch.
- 2.18. CCQ: Chứng chỉ quỹ.
- 2.19. Chứng quyền: Chứng quyền có bảo đảm.
- 2.20. Đăng ký niêm yết: là việc tiến hành các thủ tục để đưa chứng quyền có đủ điều kiện niêm yết vào giao dịch tại SGDCK.
- 2.21. Hủy niêm yết: là việc chấm dứt niêm yết và giao dịch toàn bộ chứng quyền niêm yết tại SGDCK.

- 2.22. Người/ cổ đông nội bộ: là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các chức danh quản lý tương đương do ĐHCĐ hoặc HĐQT bổ nhiệm, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- 2.23. Thời hạn CBTT theo giờ được hiểu là tính cả ngày nghỉ cuối tuần và ngày Lễ. Thời hạn CBTT trong vòng 10 ngày được hiểu là ngày làm việc (không tính ngày nghỉ cuối tuần và ngày Lễ). Thời hạn CBTT từ 10 ngày trở lên được hiểu là ngày lịch (tính cả ngày nghỉ cuối tuần và ngày Lễ).
- 2.24. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.

3. Nguyên tắc công bố thông tin

- 3.1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được công bố nếu cá nhân đó đồng ý.
- 3.2. Việc CBTT chỉ được thực hiện thông qua 01 Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT. Trường hợp thay đổi người CBTT thì phải báo cáo cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Giấy ủy quyền CBTT, Bản cung cấp thông tin được lập theo mẫu tại Phụ lục I và III của TT 96.
- 3.3. Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
- 3.4. Nơi nhận Báo cáo/ CBTT:
- a) Tất cả các CBTT kèm Báo cáo đều phải được gửi đến UBCKNN.
 - b) Với vai trò thành viên giao dịch, Công ty phải gửi CBTT kèm Báo cáo đến VNX (Phòng Quản lý thành viên).
 - c) Với vai trò là tổ chức niêm yết chứng khoán tại HOSE, Công ty phải gửi CBTT kèm Báo cáo đến HOSE (Quản lý niêm yết).
 - d) Với vai trò là tổ chức phát hành chứng quyền, Công ty phải gửi CBTT kèm Báo cáo đến HOSE (Quản lý niêm yết chứng quyền).
 - e) Với vai trò là thành viên lưu ký/ tổ chức phát hành chứng khoán (mã HCM), Công ty phải gửi CBTT kèm Báo cáo đến TCTLBKTC (Phòng Lưu ký, Phòng Phát hành).
- 3.5. Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện CBTT; ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi fax, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được thông tin công bố bằng văn bản.

- 3.6. Ngôn ngữ thực hiện CBTT là tiếng Việt. CBTT bằng tiếng Anh được khuyến khích và nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh phải phù hợp với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố, nội dung tiếng Anh chỉ có tính tham khảo. Việc CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh áp dụng đối với SGDCK, TCTLKBTK
- 3.7. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin công bố trước đó, đồng thời phải gửi công văn kèm theo thông tin đính chính cho UBCKNN, SGDCK.
- 3.8. Khi CBTT bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

- 4.1. Việc CBTT được thực hiện qua các phương tiện CBTT sau:
 - a) Trang thông tin điện tử (Website) của công ty.
 - b) Hệ thống tiếp nhận báo cáo và CBTT của UBCKNN;
 - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK/ TCTLKBTK.
 - d) Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).
- 4.2. Các tài liệu, báo cáo thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số và đồng thời thực hiện gửi qua hệ thống tiếp nhận báo cáo và CBTT của UBCKNN/SGDCK.
- 4.3. Trang thông tin điện tử của công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; có các chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế CBTT, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu.
Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
Công ty phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
- 4.4. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (Website) của công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
- 4.5. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

5. Tạm hoãn công bố thông tin

- 5.1. Trường hợp không thể thực hiện CBTT đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...), công ty phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
- 5.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

6. Bảo quản, lưu trữ thông tin

- 6.1. Thư ký HĐQT có trách nhiệm theo dõi số công văn CBTT. Thư ký HĐQT và các phòng nghiệp vụ thực hiện CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử các thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 6.2. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu là 05 năm.
- 6.3. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu là 05 năm.

7. Trách nhiệm của các Bộ phận có liên quan & Quy trình công bố thông tin

7.1. Trách nhiệm của các Bộ phận có liên quan

Bộ phận	Trách nhiệm
Bộ phận thực hiện được nêu chi tiết ở các mục 8,9,10 & 11 bên dưới.	- Lập BC/ công văn CBTT. - Đảm bảo số liệu đầy đủ, chính xác. - CBTT kịp thời theo quy định của pháp luật.
P. KSNB	- Gửi tài liệu CBTT qua email/ hoặc hệ thống tiếp nhận báo cáo/ CBTT đến các Cơ quan kịp thời.
P. TT	- Thực hiện đăng tải tài liệu CBTT lên website kịp thời.
Người đại diện theo pháp luật & Người được ủy quyền CBTT	- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin công bố.

7.2. Quy trình công bố thông tin

Bước	Công việc	Bộ phận thực hiện	Diễn giải
1	Lập CBTT /báo cáo ↓	Các bộ phận có thông tin phải công bố	Khi có phát sinh thông tin phải công bố, các phòng nghiệp vụ liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo theo nội dung quy định tại Quy trình này và gửi về P. KSNB.
2	Kiểm tra thông tin ↓	P. KSNB	P. KSNB kiểm tra tính xác thực về nội dung, phù hợp về mặt hình thức của văn bản. Nếu có sai sót, P. KSNB sẽ yêu cầu phòng nghiệp vụ chỉnh sửa/ lập mới báo cáo.
3	Xử lý thông tin ↓	Các bộ phận có thông tin phải công bố	- In công văn CBTT kèm các báo cáo đính kèm (nếu có). - Trình người có thẩm quyền CBTT xem xét ký duyệt. - Sao thành nhiều bản (số lượng bản sao dựa vào nơi phải gửi báo cáo đến). - Xin số công văn tại Thư ký HĐQT. - Đóng dấu báo cáo tại Phòng Hành chính. - Gửi báo cáo file scan (có đủ chữ ký/con dấu) đến P. KSNB và 01 bản cứng cho Thư ký HĐQT để lưu. - Gửi bản cứng đến các Cơ quan có liên quan.
4	Gửi dữ liệu điện tử	P. KSNB	Sau khi nhận được file scan từ phòng nghiệp vụ, P. KSNB có trách nhiệm gửi dữ liệu điện tử này đến các Cơ quan có liên quan bằng địa chỉ email cbtt@hsc.com.vn hoặc qua Hệ thống tiếp nhận báo cáo của các Cơ quan quản lý.
5	Đăng tải thông tin	Phòng Truyền thông	Sau khi nhận được file scan từ P. KSNB/Thư ký HĐQT, Phòng Truyền thông có trách nhiệm đăng tải thông tin lên Website công ty. Phòng Truyền thông có trách nhiệm theo dõi việc đăng tải thông tin trên các báo mạng, cũng như trên các phương tiện CBTT của UBCKNN, SGDCK nhằm phản ánh kịp thời trong trường hợp phát hiện thông tin đăng tải không chính xác so với dữ liệu từ HSC cung cấp.

8. CBTT định kỳ

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	BCTC năm đã được kiểm toán. <i>Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của công ty.</i>	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<u>P. KT</u>
2	BCTC bán niên đã được soát xét.	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	<u>P. KT</u>
3	BCTC quý BCTC quý đã được soát xét (nếu có) <i>Trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần, công ty phải công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét, kết luận soát xét kèm theo văn bản giải trình của công ty.</i>	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	<u>P. KT</u>
4	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán	Cùng thời điểm với CBTT BCTC bán niên đã được soát xét và BCTC năm đã được kiểm toán.	<u>P. KT</u>
5	Báo cáo thường niên Lập và công bố Báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 - TT 96.	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<u>P. TT</u>
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty Định kỳ 06 tháng và năm, công ty phải CBTT về tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 - TT 96	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	<u>Thư ký HĐQT</u>
7	Họp ĐHCĐ thường niên (tham chiếu điểm a & b, khoản 3, điều 10 – TT 96)	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ.	<u>Thư ký HĐQT</u>

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
	Biên bản họp, Nghị quyết ĐHCĐ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định của ĐHCĐ	
8	CBTT về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành Trường hợp huy động phần vốn, số tiền để thực hiện dự án, công ty phải CBTT về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án (tham chiếu Điều 9 – NĐ 155)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được.	<u>Thư ký HĐQT & P.KT</u> : báo cáo tiến độ sử dụng vốn.
	Trường hợp thay đổi phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, công ty phải CBTT về lý do và Quyết định/Nghị quyết của HĐQT/ĐHCĐ về sự thay đổi đó.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định thay đổi	

9. CBTT bất thường

- 9.1. CBTT bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra (hoặc khi nhận văn bản chấp thuận của UBCKNN về sự kiện) đối với một trong các sự kiện sau đây (theo quy định tại điều 11, điều 15 & điều 23 – TT 96):

STT	Nội dung thông tin	Bộ phận thực hiện
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên	<u>P. KT</u>
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	<u>P. KSNB</u>
3	Thông qua quyết định của ĐHCĐ bất thường, tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết ĐHCĐ, Biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết	<u>Thư ký HĐQT</u>

STT	Nội dung thông tin	Bộ phận thực hiện
	hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
7	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	<u>P. KT</u>
8	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	<u>P. KT</u>
	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính.	<u>P. KT</u>
9	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
10	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>

STT	Nội dung thông tin	Bộ phận thực hiện
11	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty hoặc liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT &</u> <u>P. KSNB</u>
12	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Công ty gửi UBCKNN, SGDKK bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo Phụ lục III - TT 96.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
13	Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh.	<u>P. KSNB</u>
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	<u>P. KT</u>
15	Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động	<u>P. KSNB</u>
16	Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài	<u>P. KSNB</u>
17	Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh	<u>P. KSNB</u>
18	Khi nhận được quyết định của UBCKNN về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
19	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDKK nước ngoài	<u>P. Pháp chế</u>

STT	Nội dung thông tin	Bộ phận thực hiện
20	Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng	<u>P. Tư doanh</u>
21	Khi công ty tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	<u>P. KSNB</u>
22	Khi công ty bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng	<u>P. KSNB</u>
23	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	<u>P. KSNB</u>
24	Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải CBTT để xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	<u>Thư ký HĐQT</u>
25	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	<u>Thư ký HĐQT</u>
26	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét	<u>Thư ký HĐQT</u>
27	Trường hợp công ty là tổ chức có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/CCQ niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu/CCQ phải báo cáo UBCKNN, SGDCK & tổ chức niêm yết trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.	<u>Thư ký HĐQT & P. Giao dịch</u>

9.2. Công bố thông tin bất thường khác

STT	Nội dung thông tin	Thời điểm CBTT	Bộ phận thực hiện
1	ĐHCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (khoản 3, Điều 11 – TT 96)		<u>Thư ký HĐQT</u>

STT	Nội dung thông tin	Thời điểm CBTT	Bộ phận thực hiện
	Việc CBTT về ĐHCĐ bất thường thực hiện theo khoản 3, Điều 10 – TT 96	Tối thiểu 21 ngày trước khi khai mạc họp ĐHCĐ bất thường	
	Trường hợp lấy ý kiến ĐHCĐ bằng văn bản, công ty phải thực hiện việc CBTT trên trang thông tin điện tử của mình đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến	
2	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (khoản 4, Điều 11 – TT 96)	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Trừ trường hợp để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	<u>Thư ký HĐQT</u>
3	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (điểm k, khoản 1, Điều 11 – TT 96)		<u>Thư ký HĐQT</u>
	Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán	
	Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ	
	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin	

10. CBTT theo yêu cầu

10.1. Công bố thông tin khi có các thay đổi/ sự kiện xảy ra

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	- Xảy ra sự kiện, thông tin liên quan đến công ty, chi nhánh công ty ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư - Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó <i>Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)</i>	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	<u>P. TT</u> phối hợp với các phòng ban có liên quan.
2	Thay đổi người được ủy quyền CBTT Thông báo bằng văn bản theo Phụ lục số 01 - TT 96. Bản cung cấp thông tin của người được ủy quyền CBTT theo Phụ lục số 03 – TT 96.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.	<u>P. Pháp chế</u>
3	Thay đổi các nội dung liên quan đến Phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp.	Ngay khi có phát sinh. CBTT trên Website HSC/ Trụ sở chính/ chi nhánh/ phòng giao dịch.	<u>P. GD</u>
	Danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty.		<u>P. NS</u>
	Khi thực hiện giao dịch ký quỹ, phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ ký quỹ bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.		<u>P. Quản lý Giao dịch ký quỹ</u>
	Khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.		<u>P. Quản lý Giao dịch ký quỹ</u>

10.2. Công bố thông tin về của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết

Tất cả các nhóm nêu trên đều phải CBTT và thời hạn CBTT quy định như nhau, do đó sau đây gọi tắt là “Cổ đông lớn”.

Thời điểm bắt đầu/kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% là ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định theo Khoản 12 Điều 3 TT 96.

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	Công ty trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn thực hiện CBTT và báo cáo về giao dịch theo Phụ lục số 07 - TT 96, và Phụ lục số 09 – TT 96 cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	<u>P. Tư doanh</u>
2	Công ty đang là cổ đông lớn khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết, thực hiện CBTT và báo cáo theo Phụ lục số 08 - TT 96 và Phụ lục số 10 – TT 96 cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi.	<u>P. Tư doanh</u>
3	Cổ đông của HSC trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn hoặc khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1%, thực hiện CBTT trên website HSC.	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo của cổ đông.	<u>Thư ký HDQT</u>

10.3. Công bố thông tin về giao dịch của các cổ đông nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Trường hợp cổ đông nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với cổ đông nội bộ.

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	Nghĩa vụ CBTT đối với cổ đông nội bộ và người có liên quan		

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
	Cổ đông nội bộ và người có liên quan khi dự kiến giao dịch có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc theo giá phát hành gần nhất hoặc giá trị chuyển nhượng (tùy thuộc loại chứng khoán) , kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK. Nội dung báo cáo theo Phụ lục số 13 hoặc Phụ lục số 14 – TT 96. <i>Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán</i>	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u> hỗ trợ thực hiện
	Cổ đông nội bộ và người có liên quan phải báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có). Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục số 15 hoặc Phụ lục số 16 - TT 96.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	
2	<i>Nghĩa vụ CBTT của Công ty</i>		
	Công ty thực hiện CBTT trên Website sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u> thông báo cho P.TT

10.4. Cổ phiếu của Công ty (mã HCM) là đối tượng chào mua công khai

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	Công ty phải thực hiện CBTT sau khi nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai từ tổ chức, cá nhân. (tham chiếu Điều 85, Điều 86 – NĐ 155).	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua.	<u>Thư ký HĐQT</u>
2	HĐQT phải công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty về đánh giá, khuyến nghị của công ty đối với đề nghị chào mua công khai; và báo cáo UBCKNN. Đánh giá, khuyến nghị của HĐQT phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp thành viên HĐQT có ý kiến khác thì phải công bố kèm theo các ý kiến này. (tham chiếu Điều 87 – NĐ 155)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	<u>Thư ký HĐQT</u>

10.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ của công ty phải thực hiện CBTT theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn: NĐ 155; Điều 8 TT120, TT 96 và TT 118.

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	Tài liệu/ thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ (hướng dẫn cụ thể tại NĐ 155 và Điều 10 TT118		
2	Trường hợp công ty không phải chào mua công khai , thực hiện gửi tài liệu cho UBCKNN: - Mua lại cổ phiếu: theo Điều 10 TT 118 - Bán cổ phiếu quỹ: theo Điều 13 TT 118		
3	CBTT các báo cáo về việc mua lại cổ phiếu (khoản 4, Điều 37 - Luật Chứng khoán): Sau khi nhận được thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, thực hiện CBTT theo mẫu tại Phụ lục số 36 - TT 118.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.	<u>Thư ký HĐQT</u>

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
4	Báo cáo kết quả giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ (khoản 2, Điều 10 và Điều 13 - TT 118): Sau khi kết thúc giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ, Công ty báo cáo theo Phụ lục số 39 - TT 118. Trường hợp không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến mua/ bán lại, công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
5	Thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ (Điều 11 TT 118) Công ty thực hiện CBTT khi gửi báo cáo đến UBCKNN trong trường hợp thay đổi ý định hoặc phương án mua lại cổ phiếu theo Phụ lục số 37 TT 118.	Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
	Công ty thực hiện CBTT khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi phương án mua lại cổ phiếu theo Phụ lục số 38 TT 118.	Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
6	Mua lại cổ phiếu làm giảm giá trị tài sản hơn 10% Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT (Khoản 3, Điều 13 – TT 96)	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	<u>P. KT</u>

10.6. Phát hành thêm cổ phiếu

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: gửi tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu với nội dung theo quy định tại Điều 61- <i>NĐ 155</i>.		
	CBTT Bản thông báo phát hành khi UBCKNN thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu, báo cáo phát hành cổ phiếu của công ty theo khoản 3 Điều 69 <i>NĐ 155</i>.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có thông báo; và ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
	CBTT trên trang điện tử của công ty và SGDCK về Báo cáo kết quả phát hành theo mẫu tại Phụ lục số 28 – TT 118.	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
2	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: gửi tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu với nội dung theo quy định tại Điều 63 – NĐ 155		
	CBTT Bản thông báo phát hành khi UBCKNN thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu, báo cáo phát hành cổ phiếu của công ty theo khoản 3 Điều 69 NĐ 155.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có thông báo; và ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
	CBTT trên trang điện tử của công ty và SGDCK về Báo cáo kết quả phát hành theo mẫu tại Phụ lục số 28 – TT 118	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
3	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty: gửi tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu với nội dung theo quy định tại Điều 65 - NĐ 155		
	CBTT Bản thông báo phát hành khi UBCKNN thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu, báo cáo phát hành cổ phiếu của công ty theo khoản 3 Điều 69 NĐ 155.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo; và ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>
	CBTT trên trang điện tử của công ty và SGDCK về Báo cáo kết quả phát hành theo mẫu tại Phụ lục số 29 TT 118. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phiếu của từng người lao động đã nộp tiền mua hoặc được phân phối; và Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành, trừ trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động.	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.	<u>Thư ký</u> <u>HĐQT</u>

10.7. Phát hành trái phiếu riêng lẻ

CBTT theo quy định nêu tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và Thông tư 122/2020/TT-BTC.

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	CBTT trước đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp		
	- Phát hành trái phiếu cho <u>01 đợt phát hành</u>: nội dung CBTT thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục I – TT 122. <i>Riêng đối với trái phiếu xanh, ngoài các thông tin theo mẫu tại phụ lục I, doanh nghiệp phải công bố thông tin về quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn, từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Nghị định 153</i>	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu.	<u>P. Tư doanh</u>
	- Phát hành trái phiếu cho <u>nhiều đợt phát hành</u>: Đối với đợt chào bán đầu tiên: CBTT theo Mẫu tại Phụ lục I – TT 122 Đối với đợt chào bán tiếp theo: ngoài việc CBTT như đợt đầu tiên, doanh nghiệp CBTT bổ sung theo yêu cầu tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 12 NĐ 153, thực hiện CBTT theo mẫu tại Phụ lục I – TT 122.	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu.	<u>P. Tư doanh</u>
2	CBTT về kết quả của đợt phát hành theo mẫu tại Phụ lục II - TT 122.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu.	<u>P. Tư doanh</u>
3	Công bố thông tin định kỳ: Nội dung CBTT theo quy định tại Điều 21 – NĐ 153: - Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu. - Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); nếu chưa được kiểm toán, soát xét phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT xác nhận số liệu. - Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu - Đối với trái phiếu xanh, thực hiện theo quy định tại mục d khoản 1, Điều 2 – NĐ 153. Gửi kèm thông tin theo mẫu tại Phụ lục III - TT 122.	Định kỳ 06 tháng (trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính) và hàng năm (trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính) cho đến khi đáo hạn trái phiếu.	<u>P. KT</u>

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
4	Công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 22 – NĐ 153. - Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp; - Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện ở bên.	<u>P. KSNB</u>
5	Công bố thông tin của doanh nghiệp về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu: nội dung CBTT thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IV - TT 122. (Điều 23 - NĐ153; khoản 1,2 Điều 5 - TT 122)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.	<u>P. Tự doanh</u>
6	Tổ chức lưu ký trái phiếu báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu theo Phụ lục V - TT 122 cho Sở Giao dịch Chứng khoán. Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu, tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho đến khi các trái phiếu đáo hạn; số lượng nhà đầu tư sở hữu trái phiếu, việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho Sở Giao dịch Chứng khoán. (Khoản 2 Điều 33 - NĐ 153; Khoản 1 Điều 12 - TT 122)	Trong vòng 01 ngày làm việc sau khi hoàn tất giao dịch trái phiếu. Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 25 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.	<u>P. Tự doanh</u>

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
7	Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm cho UBCKNN về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp. (Khoản 1 Điều 33 - NĐ 153, Khoản 1 Điều 10 - TT 122)	Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 25 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.	<u>P. Tư doanh</u>
8	Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu Báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm về tình hình chào bán trái phiếu cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. (Khoản 2 Điều 33 – NĐ 153, Điều 11 TT 122)	Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 25 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm	<u>P. Tư doanh</u>

10.8. Chào bán trái phiếu ra công chúng

CBTT về việc chào bán trái phiếu ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (theo quy định nêu tại Điều 19, Điều 20 - NĐ 155)

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	CBTT về việc chào bán của công ty Công ty công bố Bản thông báo phát hành trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (03) số liên tiếp, CBTT trên trang thông tin điện tử của công ty, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có), SGDCK (tham chiếu Điều 41, NĐ 155 và Điều 25 Luật Chứng khoán 2019)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực.	<u>P. Nguồn vốn</u> : lập thông báo phát hành/ Bản cáo bạch.
2	CBTT về việc UBCKNN có quyết định đình chỉ chào bán Công ty phải công bố việc đình chỉ chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (03) số liên tiếp (tham chiếu Điều 25, Điều 27 Luật Chứng khoán 2019)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị đình chỉ	<u>P. Nguồn vốn</u>

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
3	CBTT về việc UBCKNN ra quyết định hủy bỏ chào bán Công ty phải công bố việc hủy bỏ chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (03) số liên tiếp <i>(tham chiếu Điều 25, Điều 28 Luật Chứng khoán 2019)</i>	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ.	<u>P. Nguồn vốn</u>
4	CBTT về kết quả chào bán CBTT trên trang thông tin điện tử của công ty, và SGDCK về kết quả đợt chào bán sau khi đã gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN <i>(tham chiếu Điều 41 – NĐ 155)</i>	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	<u>P. Nguồn vốn</u>
5	CBTT sau khi kết thúc đợt phát hành <i>(Tham chiếu Điều 19 – TT 96)</i>		
	CBTT định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu.	Theo quy định tại Mục 8 của Quy trình này.	<u>P. KT</u>
	Trường hợp công ty chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, phải CBTT định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn.	Định kỳ 06 tháng kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước và trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo.	<u>P. KT</u>
	CBTT bất thường (nếu có) theo quy định.	Trong vòng 24 giờ từ khi xảy ra các sự kiện.	<u>P. KSNB</u>
	Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, công ty phải CBTT về lý do và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ĐHCD về sự	Trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định về việc thay đổi.	<u>Thư ký HĐQT</u>

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
	thay đổi trước khi có sự thay đổi đó. (Khoản 2 Điều 9 – ND 155)		
	CBTT về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI – TT 96	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	<u>P. KT</u>
6	Phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc , công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện CBTT về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi.	Chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu.	<u>P. Nguồn vốn</u>

11. CBTT đối với chứng quyền có bảo đảm

CBTT theo Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ Tài chính và Quyết định 34/QĐ-SGDHCM ngày 20/01/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế Niêm yết & Công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm.

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
1	Cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền (điểm a, khoản 2, điều 19, TT 107)	Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.	<u>P. KSNB</u>
2	Công bố Bản cáo bạch và Bản thông báo phát hành chứng quyền Báo cáo theo mẫu Phụ lục số 03 - TT 107 (khoản 11, Điều 4, TT 107)	Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.	<u>P. Tư doanh:</u> lập BCB và Bản thông báo. <u>P. KSNB:</u> lập công văn CBTT
3	Kết quả phân phối chứng quyền Báo cáo cho UBCKNN và CBTT kết quả phân phối chứng quyền. Tài liệu này bao gồm: - Báo cáo kết quả phân phối chứng quyền theo mẫu tại Phụ lục số 04 - TT 107.	Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành phân phối chứng quyền.	<u>P. Tư doanh:</u> lập Báo cáo. <u>P. KSNB:</u> lập công văn CBTT

STT	Nội dung thông tin	Thời hạn CBTT	Bộ phận thực hiện
	- Xác nhận của ngân hàng về số tiền thu được từ đợt phân phối. (khoản 1 và 2, Điều 7, TT 107)		
4	Quyết định chấp thuận niêm yết hoặc quyết định hủy niêm yết (điểm b, khoản 2, Điều 19, TT 107)	Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được Quyết định.	<u>P. KSNB</u> : lập công văn CBTT
5	Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết (nếu có - thường sẽ là hủy một phần theo Điều 9 - TT 107) (điểm b, khoản 2, Điều 19, TT 107)	Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết.	<u>P. KSNB</u> : lập công văn CBTT
6	Điều chỉnh chứng quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 10 - TT 107 (do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trả cổ tức, phát hành cổ phiếu). Thông báo điều chỉnh chứng quyền theo mẫu NY.CW-05 QĐ 34. (điểm d, khoản 2, Điều 19, TT 107 & khoản 4, Điều 9 - QĐ 34)	Trong vòng 24 giờ kể từ khi có giá đóng cửa của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền.	<u>P. Tư doanh</u> : lập Thông báo <u>P. KSNB</u> : lập công văn CBTT
7	Nghị quyết/Quyết định/Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng quyền (điểm a, khoản 2, điều 14 - QĐ 34)	Trong vòng 24 giờ kể từ khi có Quyết định/ Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng.	<u>P. Tư doanh</u> : lập Thông báo <u>P. KSNB</u> : lập công văn CBTT
9	Công bố thông tin bất thường khác theo khoản 2 Điều 14 – QĐ 34 và khoản 2, Điều 19 - TT 107.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất thường.	<u>P. Tư doanh, P. Pháp chế, P. KT</u> : cung cấp thông tin liên quan

12. Mẫu biểu kèm theo

Nội dung	Đính kèm
Mẫu công văn CBTT	 Mau CBTT.docx

13. Điều khoản thực hiện

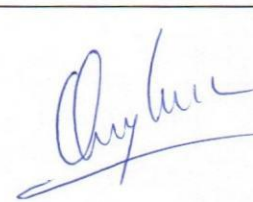
Quy trình này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy trình Công bố thông tin ngày 10/09/2020. Trong quá trình thực hiện, mọi nhân viên HSC có quyền đề xuất, kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi hoặc bổ sung để Giám đốc Điều hành Khối Truyền thông xem xét và quyết định.

14. Căn cứ pháp lý

STT	Viết tắt trong quy trình này	Văn bản pháp luật	Ngày ban hành
1	NĐ 153	Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	31/12/2020
2	NĐ 155	Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	31/12/2020
3	TT 122	Thông tư 122/2020/TT-BTC Hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	31/12/2020
4	TT 107	Thông tư 107/2016/TT-BTC về Hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm	29/06/2016
5	TT 120	Thông tư 120/2020/TT-BTC quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán	31/12/2020
6	TT 118	Thông tư 118/2020/TT-BTC hướng dẫn việc chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng	31/12/2020
7	TT 96	Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	16/11/2020

8	QĐ 34	Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM	20/01/2021
9	QĐ 21	Quy chế công bố thông tin tại SGDCK và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	21/12/2021

Ngày 01. tháng 07 năm 2022

	Họ tên	Chữ ký
Soạn thảo	TRƯƠNG NGỌC QUỲNH TIÊN	
Kiểm soát	TÓNG CÔNG CƯỜNG	
Phê duyệt	LÊ ANH QUÂN	



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY SECURITIES
CORPORATION**

Số/ No.: .../2022/CV-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...
Ho Chi Minh City, ...

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG / ĐỊNH KỲ
EXTRAORDINARY / PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh
Hochiminh Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Name of organization: Ho Chi Minh City Securities Corporation
- Mã chứng khoán: HCM
Securities code: HCM
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, P. Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Address: Level 2, 5, 6, 7, 11 & 12, AB Tower, 76A Le Lai Str., Ben Thanh Ward, Dist.1, HCM City
- Điện thoại: (+84 8) 3823 3299
Telephone: (+84 8) 3823 3299
- Fax: (+84 8) 3823 3301
Fax: (+84 8) 3823 3301
- Email: cbtt@hsc.com.vn
Email: cbtt@hsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:
Contents of disclosure:

.....
.....
.....

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../... tại đường dẫn <https://www.hsc.com.vn/cong-bo-thong-tin>
This information was published on the company's website on ..., as in the link
<https://www.hsc.com.vn/en/information-disclosure>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct; we bear the full responsible to the law.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

ORGANIZATION REPRESENTATIVE

Người được ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information

Lê Anh Quân

Giám đốc Điều hành Phát triển Quan hệ hợp tác

Chief Partnership Officer

Tài liệu đính kèm / *Attached documents:*

.....
.....